

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUẢNG XƯƠNG  
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 28/2020/HSST

Ngày: 26/6/2020.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HÓA**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Mai Thị Lý.

***Các Hội thẩm nhân dân:*** 1. Ông Lê Sỹ Quyền

2. Bà Nguyễn Thị Lệ Thanh

***- Thư ký phiên Tòa:*** Bà Bùi Thị Hằng - Thư ký Tòa án huyện Quảng Xương  
- tỉnh Thanh Hóa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương tham gia phiên  
tòa:*** Bà Nguyễn Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương,  
tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 27/2020/HSST-HS  
ngày 11 tháng 5 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/HSST-QĐ ngày  
11/6/2020 đối với các bị cáo:

**1. Lê Đình C - SN 1971.**

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn M, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Dân tộc: Kinh;  
Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Văn hóa: Lớp 3/12; Nghề  
nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Lê Đình G (đã chết); và bà: Hà Thị D (đã chết);  
Vợ: Đào Thị T -SN 1971. Có 2 con, lớn SN 1992, nhỏ SN 1994. Tiền án, tiền sự:  
Không.

Tạm giữ ngày 09/02/2020 đến ngày 12/02/2020 thay thế biện pháp ngăn chặn  
bằng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

**2. Lê Ích T - SN 1990.**

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn M, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Dân tộc: Kinh;  
Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Văn hoá: Lớp 12/12; Nghề  
nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Lê Ích T (đã chết); và bà: Đào Thị T -SN1968; Vợ:  
Hoàng Thị H - SN 1990, có 02 con, lớn SN 2016, nhỏ SN 2018. Tiền án, tiền sự:  
Không.

Tạm giữ ngày 09/02/2020 đến ngày 12/02/2020 thay thế biện pháp ngăn chặn  
bằng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

**3. Đới Ngọc Q - SN 1969.**

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn M, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Văn hoá: Lớp 7/10; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông: Đới Ngọc U' (đã chết); và bà: Trần Thị T - Già yếu; Vợ: Nguyễn Thị S - SN1970. Có 2 con, lớn SN 1993, nhỏ SN 1999. Tiền án, tiền sự: Không.

Tạm giữ ngày 09/02/2020 đến ngày 12/02/2020 thay thế biện pháp ngăn chặn bằng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

**4. Lê Đình P - SN 1969.**

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn M, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Văn hoá: Lớp 3/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Lê Đình L (đã chết); và bà: Lê Thị Đ (đã chết); Vợ: Nguyễn Thị T - SN 1972. Có 2 con, lớn SN 1990, 01 đã chết. Tiền án, tiền sự: Không.

Tạm giữ ngày 09/02/2020 đến ngày 12/02/2020 thay thế biện pháp ngăn chặn bằng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

**5. Lê Đình T2 - SN 1983.**

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn M, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Văn hoá: Lớp 9/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông: Lê Đình T - SN 1951; và bà: Nguyễn Thị H - SN1959; Vợ: Nguyễn Thị T - SN1987. Có 2 con, lớn SN 2012, nhỏ SN 2014. Tiền án, tiền sự: Không

Tạm giữ ngày 09/02/2020 đến ngày 12/02/2020 thay thế biện pháp ngăn chặn bằng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

**6. Lê Thanh B - SN 1956.**

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn M, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Văn hoá: Lớp 7/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Là bệnh binh; Con ông: Lê Đình H (đã chết); và bà: Hà Thị C (đã chết); Vợ: Phạm Thị D - SN 1958, có 02 con, lớn SN 1986, nhỏ SN 1988; Tiền án, tiền sự: Không.

Ngày 09/02/2020 Công an huyện Quảng Xương ra Quyết định tạm giữ; Cùng ngày Viện kiểm sát huyện Quảng Xương ra Quyết định hủy bỏ Quyết định tạm giữ do bị cáo là bệnh binh nặng, là người cao tuổi, sức khỏe yếu. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Xương đã áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa

**7. Lê Đình M - SN 1968.**

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn M, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Văn hoá: Lớp 3/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Lê Đình D (đã chết); và bà: Mai Thị M - SN1948; Vợ: Lê Thị N - SN 1969, có 02 con, lớn SN 1991, nhỏ SN 1994; Tiền án, tiền sự: Không.

Tạm giữ ngày 09/2/2020 đến ngày 15/02/2020 thay thế biện pháp ngăn chặn bằng cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

**8. Lê Đình S - SN 1976.**

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn M, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Văn hoá: Không biết chữ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Lê Đình D (đã chết); và bà: Tô Thị H (đã chết); Vợ: Tô Thị H - SN1977. Có 3 con, lớn nhất SN 1999, nhỏ nhất SN 2012.

Tiền án: Ngày 26/4/2018, bị TAND thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 26 tháng tù, về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”. Ra trại ngày 29/12/2019. Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 31/8/1996, bị TAND huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 09 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”.

Tạm giữ ngày 09/2/2020 đến ngày 15/02/2020 thay thế biện pháp ngăn chặn bằng cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

**9. Lê Đình H - SN 1972.**

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn M, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Văn hoá: Lớp 7/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Lê Đình H - SN 1953; và bà: Nguyễn Thị Q - SN1951; Vợ: Mai Thị N - SN1973. Có 03 con, lớn nhất SN 1997, nhỏ nhất SN 2008. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 13/8/2012, bị Công an tỉnh Thanh Hóa xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc” và “Chứa bạc”. Đã nộp phạt ngày 05/10/2012.

Tạm giữ ngày 09/02/2020 đến ngày 12/02/2020 thay thế biện pháp ngăn chặn bằng cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa , nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12h30” ngày 09/02/2020, Lê Đình T1, Lê Đình C, Lê Đình H, Lê Ích T, Lê Đình S, Lê Thanh B, Lê Đình T2, Lê Đình P, Lê Đình M và Đới Ngọc Q đi đám cưới người quen cùng xã, sau đó cả hội về nhà Lê Đình T1 ngồi chơi uống nước. Khi về nhà, T1 say rượu nên đi ngủ, còn lại H, C, T, S, B, T2, P, M và Q ngồi uống nước nói chuyện. Trong lúc ngồi uống nước, C nói: “Anh em ta làm vài ván bài Sâm 5.000đ một lá cho vui”. Nghe C nói vậy, tất cả đồng ý. C lấy 02 bộ bài tú lơ khơ 52 cây ở trên nóc tủ nhà anh T1, rồi tất cả ngồi xuống 02 chiếc chiếu cói đã trải sẵn ở trong phòng khách nhà anh T1 để đánh bài “Sâm” ăn tiền. Do đánh bài Sâm không được quá 5 người một chiếu nên cả hội tự chia nhau thành 02 chiếu để chơi. Chiếu thứ nhất gồm: M, Q, B và P; chiếu thứ hai gồm: T2, T, C, S và H. Tất cả ngồi chơi đến 15h30” cùng ngày thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Xương phát hiện bắt quả tang. Thu giữ tại 02 chiếu bạc số tiền 11.160.000đ, trong đó chiếu thứ nhất

5.300.000đ, chiều thứ hai 5.860.000đ; 02 bộ bài tú lơ khơ 52 cây và 02 chiếc chiếu cói. Tổ công tác tiến hành lập biên bản và đưa các đối tượng cùng tang vật về Công an huyện Quảng Xương để làm việc. Quá trình điều tra xác định số tiền đánh bạc của từng đối tượng, cụ thể như sau:

- S có 1.020.000đ bỏ ra đánh bạc. Khi bị bắt có 1.240.000đ, thắng 220.000đ.
- M có 1.280.000đ bỏ ra đánh bạc. Khi bị bắt có 1.380.000đ, thắng 100.000đ.
- T2 có 1.370.000đ bỏ ra đánh bạc. Khi bị bắt còn 1.060.000đ, thua 310.000đ
- T có 1.260.000đ bỏ ra đánh bạc. Khi bị bắt còn 1.170.000đ, thua 90.000đ.
- B có 1.470.000đ bỏ ra đánh bạc. Khi bị bắt còn 1.210.000đ, thua 260.000đ.
- P có 1.400.000đ bỏ ra đánh bạc. Khi bị bắt còn 1.180.000đ, thua 220.000đ.
- C có 1.170.000đ bỏ ra đánh bạc. Khi bị bắt còn 1.080.000đ, thua 90.000đ.
- H có 1.040.000đ bỏ ra đánh bạc. Khi bị bắt có 1.310.000đ, thắng 270.000đ.
- Q có 1.150.000đ bỏ ra đánh bạc. Khi bị bắt có 1.530.000đ, thắng 380.000đ.

Hình thức đánh bạc: Dùng 01 bộ bài tú lơ khơ 52 cây được chia đều cho mỗi người chơi 10 cây bài (mỗi lần chơi không quá 5 người). Sau khi chia bài, người chơi có quyền báo “Sâm”; Nếu trong ván bài có nhiều người cùng báo Sâm thì tính theo bên phải người chia bài đến lượt ai thì người báo Sâm đó được đánh trước. Người chơi báo Sâm là người nghĩ bài mình cao nhất không có ai chặn được nên báo, nhưng nếu khi người báo Sâm đánh bài của mình mà bị người chơi khác chặn được thì người báo Sâm phải đền tiền cho người chặn được bằng tổng số tiền của 4 người chơi khác là 5.000đ một lá bài, tổng 10 lá bài nhân gấp đôi là 10.000đ một lá, những người chơi khác không phải trả tiền cho người chặn Sâm ván bài đó. Nếu không có ai báo Sâm thì người chia bài sẽ là người đánh trước, lá bài cao nhất là lá bài 2, lá bài thấp nhất là lá bài 3. Khi người chơi đầu tiên đánh lá bài nào thì người chơi tiếp theo không được đánh lá bài cùng nước mà phải đánh lá bài cao hơn (ví dụ: Người chơi đánh lá bài 3 thì người tiếp theo phải đánh lá bài 4, chơi đánh bài Sâm là không tính chất của từng lá bài). Kết thúc ván bài người chơi nào về nhất có nghĩa đã đánh hết các lá bài trên tay thì những người chơi khác còn lại bao nhiêu lá bài trên tay thì tính mỗi lá là 5.000đ nhân với số bài mình còn để trả tiền cho người thắng, sau đó người thắng được quyền chia bài và đánh ván tiếp theo.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với tài liệu chứng cứ và tang vật thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Số tang vật thu giữ gồm: 11.160.000đ, trong đó chiều thứ nhất là 5.300.000đ, chiều thứ hai là 5.860.000đ. Đây là tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc cần tịch thu sung quỹ Nhà nước; 02 bộ bài tú lơ khơ 52 cây và 02 chiếc chiếu cói là công cụ các bị cáo sử dụng để đánh bạc không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với Lê Đình C, là người khởi xướng việc đánh bạc mục đích để bản thân tham gia đánh bạc, C không có mục đích tư lợi đối với 02 chiếu bạc này; do vậy C không bị xử lý về tội “Tổ chức đánh bạc” mà đồng phạm với Lê Đình T2, Lê Ích T, Lê Đình S và Lê Đình H về tội “Đánh bạc”.

Trong vụ án này, các con bạc chia thành hai chiều bạc nên các con bạc phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số tiền tại chiều bạc mà mình tham gia. Cụ thể:

Đối với các bị cáo M, Q, B và P tham gia đánh bạc ở chiều thứ nhất có số tiền đánh bạc là 5.300.000đ nên M, Q, B và P phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Đánh bạc” với số tiền là 5.300.000đ là phù hợp.

Đối với các bị cáo T2, T, C, S và H tham gia đánh bạc ở chiều bạc thứ hai có số tiền là 5.860.000đ nên T2, T, C, S và H phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Đánh bạc” với số tiền là 5.860.000đ là phù hợp.

Đối với anh Lê Đình T1 là chủ nhà, khi các bị cáo đánh bạc; do say rượu anh T1 đã đi ngủ nên không biết việc đánh bạc tại nhà mình; Do đó Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Xương không xử lý hình sự đối với Lê Đình T1.

Tại bản cáo trạng số 29/KSĐT-TA ngày 05/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố Lê Đình C, Lê Đình H, Lê Ích T, Lê Đình S, Lê Thanh B, Lê Đình T2, Lê Đình P, Lê Đình M và Đới Ngọc Q về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố trong Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 BLHS Đối với các bị cáo C, T, T2, P, M và Q.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s, v, x khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 BLHS đối với bị cáo B.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS Đối với bị cáo đối với S.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS đối với bị cáo H.

*Đề nghị mức phạt:*

+ Lê Đình C từ 07 đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 14 đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Lê Đình S từ 07 đến 09 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án, trừ đi 06 ngày tạm giữ, buộc bị cáo phải chấp hành tiếp.

+ Lê Đình H từ 06 đến 08 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án, trừ đi 03 ngày tạm giữ, buộc bị cáo phải chấp hành tiếp.

+ Lê Ích T từ 06 đến 08 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 đến 16 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Đới Ngọc Q từ 06 đến 08 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 đến 16 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Lê Đình P từ 06 đến 08 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 đến 16 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Lê Đình T2 từ 06 đến 08 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 đến 16 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Lê Đình M từ 06 đến 08 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 đến 16 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Lê Thanh B từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

*Về hình phạt bổ sung:*

Đối với các bị cáo T, Q, P đều là hộ cận nghèo, có xác nhận của chính quyền địa phương nên đề nghị HĐXX không phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Đối với các bị cáo C, T2, M, S và H đều là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của Chính quyền địa phương nên đề nghị HĐXX không phạt bổ sung đối với các bị cáo.

*Về khấu trừ thu nhập:* Bị cáo B là bệnh binh, người cao tuổi và là người có công với cách mạng nên đề nghị không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

*Xử lý vật chứng:* Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 11.160.000đ thu tại 02 chiếu bạc. Tịch thu tiêu hủy 02 bộ bài tú lơ khơ 52 cây; 02 chiếc chiếu cói theo khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

Các bị cáo nhận tội và không có ý kiến tranh luận gì, lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đều thực hiện đúng thẩm quyền; tình tự, thủ tục đúng theo quy định của bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận: Khoảng 15h30” ngày 09/02/2020, tại gia đình anh Lê Đình T1 thuộc thôn M, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa phát hiện bắt quả tang 09 đối tượng đang đánh bạc ăn tiền bằng hình thức đánh bài “Sâm” được thua bằng tiền. Các bị cáo đã chia thành hai chiếu bạc, chiếu thứ nhất gồm: Lê Đình M, Đới Ngọc Q, Lê Thanh B, Lê Đình P; chiếu thứ hai gồm: Lê Đình T2, Lê Ích T, Lê Đình C, Lê Đình S và Lê Đình H. Tang vật thu giữ tại hai chiếu bạc là 11.160.000đ (trong đó chiếu thứ nhất có 5.300.000đ, chiếu thứ hai có 5.860.000đ), 02 bộ bài tú lơ khơ và 02 chiếc chiếu cói.

[3] Lời khai của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Với các tài liệu và chứng cứ đã nêu trên Hội đồng xét xử có đầy đủ căn cứ để kết luận các bị cáo Lê Đình M, Đới Ngọc Q, Lê Thanh B, Lê Đình P, Lê Đình T2, Lê Ích T, Lê Đình C, Lê Đình S và Lê Đình H phạm tội “Đánh bạc”. Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS.

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến trật tự an toàn công cộng, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an và an toàn xã hội trong khu vực, là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm khác. Vì vậy cần thiết phải xử lý nghiêm để cải tạo giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Xét vai trò của các bị cáo: Trong vụ án này, tuy có nhiều bị cáo tham gia thực hiện phạm tội, nhưng chỉ mang tính chất đồng phạm giản đơn.

Đối với Lê Đình C là người khởi xướng và là người trực tiếp lấy 02 bộ bài tú lơ khơ ở nhà anh T1 để các con bạc đánh bạc, đồng thời bị cáo cũng trực tiếp tham gia đánh bạc một cách tích cực từ đầu đến cuối nên bị cáo phải giữ vai trò chính trong vụ án là phù hợp.

Đối với các bị cáo M, Q, B, P; T2, T, S và H là những đối tượng tham gia đánh bạc tích cực từ đầu đến cuối nên các bị cáo có vai trò ngang nhau và xếp ở vị trí thứ hai trong vụ án là phù hợp.

[6] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

*-Về tình tiết tăng nặng:*

+ Đối với Lê Đình S mới ra tù, chưa được xóa án tích lại phạm tội mới nên áp dụng điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự để tăng nặng trách nhiệm hình sự.

+ Đối với các bị cáo C, T, Q, P, T2, B, M và H không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Tuy nhiên bị cáo H có nhân thân không tốt ngày 13/8/2012, bị Công an tỉnh Thanh Hóa xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc” và “Chứa bạc” (đã nộp phạt ngày 05/10/2012).

*-Về tình tiết giảm nhẹ:*

+ Đối với bị cáo S thành khẩn khai báo nên áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

+ Đối với các bị cáo C, T, Q, P, T2, B, M và H đều thành khẩn khai báo, đều phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên đều được áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Riêng bị cáo B là người có công với cách mạng (bệnh binh nặng) và là người có thành tích xuất sắc trong chiến đấu được tặng thưởng Huân, huy chương nên được áp dụng thêm điểm v, x khoản 1 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Xét thấy cần thiết bắt các bị cáo S và H phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục các bị cáo sớm trở thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

Đối với các bị cáo C, T, Q, P, T2, B, M có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS, có nơi cư trú rõ ràng và có nhân thân tốt nên không cần thiết bắt các bị cáo phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội mà để các bị cáo cải tạo tại địa phương bằng hình thức cho hưởng án treo và cải tạo không giam giữ cũng đủ để giáo dục các bị cáo sớm trở thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

*Về hình phạt bổ sung:* Các bị cáo T, Q, P đều là hộ cận nghèo, có xác nhận của Chính quyền địa phương nên không phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Đối với các bị cáo C, T2, M, S và H đều là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của Chính quyền địa phương nên không phạt bổ sung đối với các bị cáo.

*Về khấu trừ thu nhập:* Bị cáo B là bệnh binh, người cao tuổi và là người có công với cách mạng nên không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[7] *Xử lý vật chứng*: Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 11.160.000đ. Tịch thu tiêu hủy 02 bộ bài tú lơ khơ 52 cây, 02 chiếc chiếu cói theo điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

[8] *Về án phí*: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 BLTTHS. Điều 6; Điểm a khoản 1 Điều 23 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

- **Tuyên bố**: Các bị cáo Lê Đình C, Lê Ích T, Đới Ngọc Q, Lê Đình P, Lê Đình T2, Lê Thanh B, Lê Đình M, Lê Đình S và Lê Đình H phạm tội “Đánh bạc”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Khoản 1, 2 và 5 Điều 65 BLHS đối với bị cáo Lê Đình C.

**Xử phạt**: Lê Đình C 07 (bảy) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 26/6/2020.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS đối với bị cáo Lê Đình S.

**Xử phạt**: Lê Đình S 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án trừ đi 06 ngày tạm giữ. Buộc bị cáo phải chấp hành tiếp.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS đối với bị cáo Lê Đình H.

**Xử phạt**: Lê Đình H 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án trừ đi 03 ngày tạm giữ. Buộc bị cáo phải chấp hành tiếp.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Khoản 1, 2 và 5 Điều 65 BLHS đối với các bị cáo T, Q, P, T2 và M.

**Xử phạt**: Lê Ích T 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 26/6/2020.

**Xử phạt**: Đới Ngọc Q 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 26/6/2020.

**Xử phạt**: Lê Đình P 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 26/6/2020.

**Xử phạt**: Lê Đình T 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 26/6/2020.

**Xử phạt**: Lê Đình M 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 26/6/2020.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s, v, x khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Khoản 1, 2 Điều 36 BLHS đối với bị cáo Lê Thanh B.

**Xử phạt**: Lê Thanh B 09 tháng cải tạo không giam giữ.

**Về hình phạt bổ sung**: Không phạt bổ sung đối với các bị cáo C, T, P, Q, T2, M, S và H

**Về khấu trừ thu nhập**: Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo B.

Giao các bị cáo C, T, Q, P, T2 và M cho UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án



treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Giao bị cáo Lê Thanh B cho UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã Q, huyện Q tỉnh Thanh Hóa nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

*Xử lý vật chứng:* Áp dụng điểm a, b, c khoản 2 điều 106 BLTTHS.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 11.160.000đ. Theo biên lai thu tiền số 008555 ngày 25/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

- Tịch thu tiêu hủy 02 bộ bài tú lơ khơ 52 cây, 02 chiếc chiếu cói đã qua sử dụng. Theo biên bản giao nhận vật chứng tài sản ngày 25/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

- *Về án phí:* Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS. Điều 6; điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Buộc các bị cáo C, T, Q, P, M, B, T2, S và H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhân**

- VKSNDH. Quảng Xương.
- CAH. Quảng Xương.
- Chi cục THADSH. Quảng Xương.
- Các bị cáo.
- Lưu hồ sơ./.

**TM .HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Mai Thị Lý**